

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU QNM BẮC GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU QNM BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QNM BAC GIANG IMPORT - EXPORT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QNM BAC GIANG IES.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400934008

3. Ngày thành lập: 03/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô số 5 LK11A Khu đô thị Bách Việt, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 094 7007236

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: bán buôn , xuất nhập khẩu ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: bán lẻ, xuất nhập khẩu ô tô con (Loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa chi tiết: Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn, xuất nhập khẩu cà phê; Bán buôn, xuất nhập khẩu chè; Bán buôn, xuất nhập khẩu thực phẩm khác	4632
17.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu đồ uống có cồn; Bán buôn, xuất nhập khẩu đồ uống không có cồn	4633
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn, xuất nhập khẩu dụng cụ y tế - Bán buôn, xuất nhập khẩu nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649(Chính)
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn các loại máy xây dựng, máy phát điện, động cơ diesel, động cơ thủy và vật tư, phụ tùng, phụ kiện trang thiết bị kèm theo	4659
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Bán buôn sắt, thép. (trừ mua bán vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn , xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: bán buôn hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dung trong gia dụng và y tế (không tồn trữ hóa chất)	4669
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Trồng cây ăn quả	0121
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác gỗ (Trừ các loại bị nhà nước cấm)	0220
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác lâm sản (Trừ các loại bị nhà nước cấm)	0231
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
37.	Khai thác dầu thô	0610
38.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
39.	Khai thác quặng sắt	0710
40.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Dạy ngoại ngữ	8559
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: sửa chữa dụng cụ, thiết bị và máy móc y tế	9522
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	6810
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Lập dự án đầu tư. Quản lý dự án	7110
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
50.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ các loại nhà nước cấm)	0730
51.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
52.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (không tồn trữ hóa chất)	0891
53.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
55.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

56.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
57.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
58.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Chế biến hàng nông, lâm, thủy sản	1079
60.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
61.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	In ấn	1811
64.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
66.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
67.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng miếng)	2420
68.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
69.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
70.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
71.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
73.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
75.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
76.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
77.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
80.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô vận tải	4933

86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường sắt, biển, bộ	5229
88.	Xuất bản phần mềm chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
89.	Hoạt động viễn thông khác chi tiết: Cung cấp truy cập internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng do ISP sở hữu và vận hành như truy cập internet quay số (dial-up) Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet)	6190
90.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
91.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp chi tiết: lắp đặt các loại máy xây dựng, máy phát điện, động cơ diesel, động cơ thủy và vật tư, phụ tùng, phụ kiện trang thiết bị kèm theo	3320
92.	Xây dựng nhà để ở	4101
93.	Xây dựng nhà không để ở	4102
94.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
95.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98.	Phá dỡ	4311
99.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
100.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
101.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông	4741
102.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu thiết bị nghe nhìn	4742
103.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
104.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu dụng cụ y tế	4772
105.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Số nhà 28 đường Trường Chinh, Phường Ba Hàng, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	091568467	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
2	HOÀNG HỮU NAM	Thôn Cẩm Trang, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	40,000	121543049	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	40,000		

3	HOÀNG VĂN THẮNG	Thôn Cẩm Trang, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	40,000	024076005839
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 091568467

Ngày cấp: 25/01/2021 Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Số nhà 28 đường Trường Chinh, Phường Ba Hàng, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 28 đường Trường Chinh, Phường Ba Hàng, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang